

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ N
TỈNH NAM ĐỊNH

Bản án số: 59/2025/HS-ST

Ngày: 25-3-2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Việt Bằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Vương Thị Minh Tân

Bà Nguyễn Phương Ly

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Ngọc Tiền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 03 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 13/2025/TLST-HS ngày 17 tháng 01 năm 2025 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2025/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 02 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 02/2025/HSST-QĐ ngày 13 tháng 3 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Văn Q, sinh ngày 25 tháng 5 năm 1987 tại tỉnh Nam Định; số căn cước công dân: 03608702xxxx; nơi thường trú: Tổ dân phố số 02 thị trấn C, huyện H, tỉnh Nam Định; nơi ở hiện tại: Thôn A, xã Đ, huyện V, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thế Tr và bà Nguyễn Thị Ng; gia đình có 03 chị em, bị cáo là thứ ba; có vợ là Trần Thu Th và 03 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt.

2. Họ và tên: Vũ Đức A, sinh ngày 17 tháng 11 năm 1983 tại tỉnh Thái Bình; số căn cước công dân: 03408300xxxx; nơi thường trú và nơi ở hiện tại: Thôn K, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Đức M và bà Nguyễn Thị T; gia đình có 03 anh em, bị cáo là thứ nhất; có vợ là

Nguyễn Trang N và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt.

* *Người bào chữa cho bị cáo Vũ Đức A*: Luật sư Nguyễn Văn H – Công ty Luật TNHH Hà Trọng Đại và cộng sự.

* *Bị hại*: Ông Cao Đình Q, sinh năm 1978; nơi cư trú: Thôn K, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Bình (đã chết).

* *Người đại diện hợp pháp của bị hại*:

+ Ông Cao Đình Th, sinh năm 1953; nơi cư trú: Thôn K, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Bình – Là bố đẻ của bị hại;

+ Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1954; nơi cư trú: Thôn K, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Bình - Là mẹ đẻ của bị hại;

+ Bà Trần Thị T, sinh năm 1980; nơi thường trú: Khu 6, xã B, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ - Là vợ của bị hại.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Cao Đình Th, bà Nguyễn Thị G: Bà Trần Thị T, sinh năm 1980; nơi thường trú: Khu 6, xã B, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ (có đơn xin xét xử vắng mặt).

* *Người làm chứng*: Ông Vũ Văn P, sinh năm 1991; nơi cư trú: Thôn K, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Bình (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào đầu tháng 04-2024, ông Vũ Văn C, sinh năm 1955, trú tại thôn A, xã Đ, huyện V, tỉnh Nam Định hợp đồng bằng lời nói thuê Nguyễn Văn Q thi công đóng cọc móng nhà tại thửa đất nhà anh Vũ Văn B (con trai ông C) ở khu dân cư tập trung thôn A, xã T, huyện M (nay là xã M, thành phố N), tỉnh Nam Định. Ông C và Q thỏa thuận với nhau về nội dung công việc và tiền công, tuy nhiên, không thỏa thuận về người chịu trách nhiệm công tác an toàn lao động. Ngày 10-4-2024, Q thuê Vũ Đức A (không ký hợp đồng lao động) đóng cọc bê tông làm móng nhà cho gia đình ông C với giá 4.500.000 đồng cho toàn bộ công trình. Q và Đức A thỏa thuận Q chịu trách nhiệm chuẩn bị máy móc, thiết bị, vật tư, cọc bê tông, Đức A bố trí thuê thêm người để làm cùng.

Khoảng 13 giờ 00 phút ngày 10-04-2024, Vũ Đức A thuê anh Vũ Văn P, sinh năm 1991 và anh Cao Đình Q, sinh năm 1978, cùng trú tại thôn K, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Bình (không ký hợp đồng lao động) thực hiện công việc đóng cọc bê tông và thỏa thuận sau khi xong việc sẽ trả công cho mỗi người 1.500.000 đồng. Đức A cùng anh P, anh Q sang xưởng của Q ở thôn A, xã Đ, huyện V, tỉnh Nam Định để vận chuyển cọc bê tông cùng 01 máy cầu trục bánh xích, 01 máy ép cọc bê tông (đều không có chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật, không có hồ sơ kỹ thuật) và dụng cụ ép cọc bê tông lên xe chuyên dụng để chở đến vị trí có cọc ép tại công trình nhà ông C.

Khoảng 08 giờ sáng ngày 11-04-2024, Đức A, anh P và anh Q đến công trình nhà ông C để thực hiện đóng cọc bê tông. Người lao động đều không được trang bị phương tiện bảo hộ lao động, không có biện pháp phòng ngừa để đảm bảo an toàn trong quá trình thi công cọc. Đức A (không có chứng chỉ vận hành máy ép cọc bê tông theo quy định) trực tiếp vận hành máy cầu, máy ép cọc bê tông và giao nhiệm vụ cho anh P đứng trên tháp của lồng ép để cầm đe đưa vào vị trí đầu cọc, anh Q có nhiệm vụ đứng dưới để chỉnh cọc. Đến khoảng 11 giờ 00 phút cùng ngày, khi thi công đến cọc bê tông số 21, Đức A điều khiển máy cầu bê tông cho cọc vào lồng ép, sau đó ra vị trí máy ép cọc bê tông để ép cọc xuống đất. Lúc này, anh Q đội mũ cối màu xanh đang đứng ở trước mặt lồng ép cọc (mặt hở, không có khung bảo vệ) để điều chỉnh cọc. Quá trình Đức A điều khiển khung dẫn hạ xuống để ép cọc bê tông thì cây cọc bị nổ, gãy ở phần giữa, đổ theo chiều mặt lồng không có khung bảo vệ về hướng anh Q đang đứng làm phần đầu cọc va đập vào đầu anh Q. Hậu quả: Anh Q được đi cấp cứu tại bệnh viện nhưng do thương tích nặng nên đã tử vong.

Ngay sau khi sự việc xảy ra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M (nay là Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố N) đã phối hợp Viện kiểm sát nhân dân huyện M (nay là Viện kiểm sát nhân dân thành phố N), Thanh tra Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh Nam Định và các cơ quan chức năng tiến hành khám nghiệm hiện trường.

Tại hiện trường: Khu đất có kích thước (20x5) m, tại phần chiều dài hướng Đông Bắc của khu đất có 05 vị trí đã được đóng cọc bê tông, vị trí giáp với đường gồm 04 cọc, các vị trí còn lại, mỗi vị trí có 03 cọc. Góc phía Bắc của khu đất đặt 01 khung giàn ép thủy lực, trên đế khung giàn ép thủy lực gắn 01 tháp ép (dùng để ép cọc bê tông). Cạnh dưới của lồng ép thủy lực cách mặt đất 88 cm. Xung quanh tháp ép có nhiều mảnh vụn của bê tông vỡ. Mặt trong lồng đặt cọc bê tông rải rác các vết trượt xước, bề mặt bám dính chất màu trắng, dạng bê tông. Mặt nền đất ngay dưới tháp ép cọc có 01 hố kích thước (37x37) cm, sâu khoảng 20 cm, xung quanh hố có nhiều mảnh vụn của bê tông vỡ. Chân neo góc phía Nam của đế khung giàn ép thủy lực có 01 mũ cối xanh kích thước (35x25) cm, mặt dưới vành mũ ghi chữ “THIỀU”. Trên khu vực đỉnh mũ bị lõm, trượt, xước, in ấn hình góc vuông, chiều hướng từ ngoài vào trong, từ trên xuống dưới, bề mặt bám dính chất màu trắng, kích thước (18x12) cm. Bên trong mũ (tương ứng với vết lõm bên ngoài) rải rác bám dính chất màu nâu đỏ. Theo các công nhân làm việc: Khi xảy ra sự việc thì nạn nhân đang đội chiếc mũ cối trên. Trên nền khu đất cạnh vị trí cách chân neo góc phía Đông của đế khung giàn ép thủy lực 83 cm, có 01 cọc bê tông bị gãy vỡ làm 02 đoạn, gấp hình chữ V, một đoạn dài 2,6 m, đoạn còn lại dài 2,38m, kích thước (24x24) cm, hai đầu vuông (không nhọn). Kiểm tra phần gãy gập của cọc lõi khung cọc được làm bằng 04 thanh kim loại, đường kính mỗi thanh 01cm.

Các vật chứng được nhập kho vật chứng, chuyển giao bảo quản theo quy định của pháp luật.

Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 724/KLGĐTT-KTHS ngày 02-5-2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định kết luận: Nạn nhân Cao Đình Q chết do chấn thương vỡ xương hộp sọ, chảy máu nội sọ. Cơ chế: Do va đập.

Bản kết luận giám định số 863/KL-KTHS ngày 12-5-2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định kết luận: Dấu vết trượt, xước, lõm, in hình góc vuông, chiều hướng từ ngoài vào trong, từ trên xuống dưới, bề mặt bám dính chất màu trắng tại chiếc mũ cối (ký hiệu A) phù hợp với dấu vết trượt, xước, gãy, vỡ tại đầu của đoạn cọc bê tông (ký hiệu M).

Công văn số 61/CV-KĐI ngày 28-5-2024 của Trung tâm kiểm định kỹ thuật an toàn khu vực I - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, trả lời: Cần trục bánh xích và máy ép cọc thu giữ tại hiện trường không thực hiện được việc kiểm định kỹ thuật an toàn, vì: Để tiến hành việc kiểm định thiết bị thì yêu cầu thiết bị phải có lý lịch thiết bị, hồ sơ kỹ thuật của thiết bị và hồ sơ về quản lý, sử dụng, vận hành, bảo dưỡng và kết quả các lần đã kiểm định trước (nếu là kiểm định định kỳ hoặc bất thường).

Công văn số 41/CV-TTGD ngày 03-07-2024 Trung tâm giám định chất lượng xây dựng tỉnh Nam Định, trả lời: Căn cứ biên bản làm việc ngày 28-06-2024 của Trung tâm giám định chất lượng xây dựng tỉnh Nam Định với Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M (nay là Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố N) do: Không có hồ sơ quản lý chất lượng quá trình thi công và nghiệm thu cọc bê tông cốt thép của đơn vị sản xuất cọc đúc sẵn, không có tài liệu báo cáo khảo sát địa chất và hồ sơ thiết kế công trình của chủ hộ gia đình nhà ông Vũ Văn C, không có hồ sơ quản lý chất lượng trong quá trình thi công ép cọc bê tông nền móng công trình nhà ông Vũ Văn C nên không xác định được khả năng chịu lực của cọc khi ép xuống nền móng bằng máy ép thủy lực và không xác định được chất lượng cọc bê tông được giám định.

Công văn số 1896/SLĐTBXHN-LĐN ngày 02-08-2024 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Nam Định: Về quan hệ giữa ông Nguyễn Văn Q và ông Vũ Đức A và quan hệ giữa ông Vũ Đức A với ông Vũ Văn P, Cao Đình Q: Đây là quan hệ lao động do có thỏa thuận về việc trả công; có sự quản lý, điều hành, giám sát.

Công văn số 2795/SLĐTBXHN-TTr ngày 30-10-2024 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Nam Định: Ông Cao Đình Q là người lao động làm theo thỏa thuận với người sử dụng lao động là ông Vũ Đức A, ông Q bị tai nạn trong khi đang thực hiện công việc, nhiệm vụ lao động dẫn đến tử vong. Căn cứ khoản 8 Điều 3 Luật An toàn, vệ sinh lao động, trường hợp tai nạn của ông Cao Đình Q được xác định là tai nạn lao động. Nguyễn Văn Q vi phạm các lỗi: Máy, thiết bị ép cọc cung cấp tại công trình chưa được kiểm tra, thử nghiệm, kiểm định định kỳ theo quy định. Không khai báo khi đưa vào sử dụng máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động (máy ép cọc) theo quy định tại khoản 2 Điều 30 Luật An toàn, vệ sinh lao động. Vũ Đức A vi phạm các lỗi: Thiếu các biện pháp phòng ngừa để đảm bảo an toàn cho người lao động trong quá trình thi công cọc (biện pháp chống rơi, đổ khi thi công đóng cọc; thiếu biện pháp che chắn an toàn để tránh va chạm cho người lao động); sử dụng người lao động tại công trình (Cao Đình Q, Vũ Văn P) chưa được đào tạo, huấn luyện chuyên môn về thi công cọc; không trang bị phương tiện bảo vệ thính lực, mũ bảo hiểm hoặc mũ cứng và các phương tiện bảo vệ cá nhân khác phù hợp với công việc và điều kiện mặt bằng thi công cho người lao động làm

việc gắn máy, thiết bị thi công cọc. Chưa xác nhận máy, thiết bị thi công cọc là an toàn cho sử dụng (máy, thiết bị thi công cọc chỉ được phép sử dụng nếu đã được kiểm tra, thử nghiệm, kiểm định theo quy định). Không hướng dẫn các quy định, nội quy, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động cho người lao động khi làm việc tại công trình theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 7 Luật An toàn, vệ sinh lao động; không tổ chức huấn luyện cho người lao động làm công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động và cấp thẻ an toàn trước khi bố trí làm việc vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 14 Luật An toàn, vệ sinh lao động; không trang cấp đầy đủ cho người lao động các phương tiện bảo vệ cá nhân khi thực hiện công việc có yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại; không trang bị các thiết bị an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Luật An toàn, vệ sinh lao động.

Về vấn đề dân sự: Các bị cáo đã bồi thường cho gia đình bị hại số tiền là 210.000.000 đồng. Bà Trần Thị T (vợ bị hại) có đơn không yêu cầu bồi thường và xin miễn trách nhiệm hình sự cho Q và Đức A.

Bản cáo trạng số 32/CT-VKS-TPND ngày 16-01-2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định truy tố Nguyễn Văn Q, Vũ Đức A về tội “Vi phạm quy định về an toàn lao động” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 295 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo Nguyễn Văn Q, Vũ Đức A thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Bị cáo Nguyễn Văn Q thừa nhận máy, thiết bị ép cọc, cọc ép chưa được kiểm tra, thử nghiệm, kiểm định định kỳ theo quy định là vi phạm pháp luật nhưng do chủ quan nên vẫn đưa vào sử dụng. Bị cáo Vũ Đức A thừa nhận là người trực tiếp vận hành máy ép cọc bê tông khi chưa có chứng chỉ đào tạo vận hành máy ép cọc, thiếu các biện pháp phòng ngừa để đảm bảo an toàn cho người lao động trong quá trình thi công cọc, sử dụng lao động là anh Cao Đình Q chưa được đào tạo, huấn luyện chuyên môn về thi công cọc, huấn luyện về an toàn lao động, không trang bị phương tiện bảo vệ phù hợp với công việc nên xảy ra tai nạn dẫn đến hậu quả chết người. Các bị cáo không khai báo thêm tình tiết mới và ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định luận tội và tranh luận: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn Q, Vũ Đức A đã thành khẩn khai báo và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Vì vậy, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Nguyễn Văn Q, Vũ Đức A theo toàn bộ nội dung bản cáo trạng đã công bố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Q và Vũ Đức A phạm tội “Vi phạm quy định về an toàn lao động”

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 295; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự:

- + Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q từ 01 năm 09 tháng đến 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách gấp đôi.

+ Xử phạt bị cáo Vũ Đức A từ 01 năm 06 tháng đến 01 năm 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách gấp đôi.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Nguyễn Văn Q và Vũ Đức A.

- Về vấn đề dân sự: Đại diện bị hại có đơn xác nhận, các bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại xong nên không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

- Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Đề nghị tịch thu tiêu hủy: 01 mũ cối màu xanh; 01 đôi dép màu đen; 01 đôi găng tay len màu trắng; mẫu cọc bê tông bị gãy, vỡ làm hai đoạn, gập hình chữ V; 01 phong bì ký hiệu mã 0447778 bên trong có 01 ống nhựa nắp màu xanh (bên trong có chứa chất màu nâu đỏ) và 01 túi nilon bên trong có 01 miếng khăn có thấm chất nâu đỏ ký hiệu V98Q_24;

+ Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn Q 01 máy nguồn của tháp ép thủy lực, 01 xe cầu toa, 11 chiếc chân neo cố định khung ép thủy lực.

- Bị cáo Nguyễn Văn Q và Vũ Đức A phải nộp án phí hình sự sơ thẩm.

Ý kiến của Luật sư bào chữa cho bị cáo Vũ Đức A: Nhất trí với cơ quan tiến hành tố tụng về tội danh truy tố đối với bị cáo; tuy nhiên, lỗi của bị cáo là lỗi vô ý do quá tự tin vào kinh nghiệm của mình, bị cáo được áp dụng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; căn cứ vào khoản 3 Điều 29 Bộ luật hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo Đức A.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N: Hậu quả của các bị cáo gây ra làm chết người là nghiêm trọng nếu miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo Đức A sẽ gây tiền lệ xấu, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận việc miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo Đức A theo đề nghị của luật sư.

Bị cáo Nguyễn Văn Q và Vũ Đức A không có ý kiến tranh luận gì.

Bị cáo Nguyễn Văn Q và Vũ Đức A nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M (nay là cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố N), Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện M (nay là Viện kiểm sát nhân dân thành phố N), Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng

của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án điều hợp pháp.

[2] Về tội danh:

Trong quá trình tranh tụng tại phiên tòa, các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình, không có sự mâu thuẫn với lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ như biên bản khám nghiệm hiện trường; vật chứng thu giữ; bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 724/KLGĐTT-KTHS ngày 02-5-2024, bản kết luận giám định số 863/KL-KTHS ngày 12-5-2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định; Công văn số 61/CV-KĐI ngày 28-5-2024 của Trung tâm kiểm định kỹ thuật an toàn khu vực I - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Công văn số 2795/SLĐTBXHN-TTr ngày 30-10-2024 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Nam Định; lời khai của những người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ nên đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 11 giờ ngày 11-04-2024, tại thửa đất nhà anh Vũ Văn B, sinh năm 1993, ở thôn A, xã T, huyện M (nay là xã M, thành phố N), tỉnh Nam Định, Nguyễn Văn Q đã cung cấp, đưa vào sử dụng máy, thiết bị ép cọc là thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn vệ sinh lao động (được quy định trong danh mục ban hành kèm theo Thông tư số 36/2019/TT-BLĐTBXH ngày 30-12-2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội) không có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, không khai báo với cơ quan chuyên môn, không được kiểm định khi đưa vào sử dụng; sử dụng lao động làm công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động nhưng không tổ chức huấn luyện kỹ năng về an toàn, vệ sinh lao động vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 12, khoản 2 Điều 14, khoản 1, 2 Điều 30, khoản 1 Điều 31 Luật An toàn, vệ sinh lao động. Vũ Đức A là người trực tiếp vận hành máy ép cọc bê tông khi chưa có chứng chỉ đào tạo vận hành máy ép cọc, thiếu các biện pháp phòng ngừa để đảm bảo an toàn cho người lao động trong quá trình thi công cọc, sử dụng lao động là anh Cao Đình Q chưa được đào tạo, huấn luyện chuyên môn về thi công cọc, huấn luyện về an toàn lao động, không trang bị phương tiện bảo vệ thính lực, mũ bảo hiểm hoặc mũ cứng và các phương tiện bảo vệ cá nhân khác phù hợp với công việc cho người lao động làm việc gần máy, thiết bị thi công cọc vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 7; khoản 2 Điều 14; khoản 1, 2 Điều 16; khoản 3 Điều 17 Luật An toàn, vệ sinh lao động, mục 2.12.1.1, 2.12.1.2, 2.12.3.2 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong thi công xây dựng QCVN 18:2021/BXD ban hành kèm theo Thông tư 16/2021/TT-BXD ngày 20-12-2021 của Bộ Xây dựng. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, vi phạm quy định về an toàn lao động, các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi nêu trên của mình là vi phạm pháp luật nhưng do chủ quan vẫn thực hiện, dẫn đến việc người lao động là anh Cao Đình Q bị cọc bê tông gây đổ vào đầu, hậu quả anh Q tử vong. Như vậy, hành vi của các bị cáo đã phạm tội “Vi phạm quy định về an toàn lao động” thuộc trường hợp “làm chết người”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 295 Bộ luật Hình sự.

[3] Các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

[3.1] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

+ Bị cáo Q đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình; đã bồi thường thiệt hại cho gia đình bị hại để khắc phục hậu quả; đại diện người bị hại có đơn đề nghị giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự;

+ Bị cáo Đức A đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình; đã bồi thường thiệt hại cho gia đình bị hại để khắc phục hậu quả; đại diện người bị hại có đơn đề nghị giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[3.2] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về hình phạt chính: Trước khi phạm tội, bị cáo Nguyễn Văn Q, bị cáo Vũ Đức A có nhân thân tốt; lần đầu phạm tội với lỗi vô ý; có nơi cư trú rõ ràng; được áp dụng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như nhận định ở trên nên Hội đồng xét xử thấy rằng không nhất thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, có thể cho các bị cáo được miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự để thể hiện tính khoan hồng của pháp luật nhưng cũng đủ răn đe và giúp các bị cáo nhận ra sai lầm của mình.

Cùng với việc cho các bị cáo hưởng án treo, Hội đồng xét xử sẽ ấn định thời gian thử thách đối với các bị cáo và giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú để giám sát, giáo dục theo quy định của pháp luật.

[5] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng, tài sản, đồ vật:

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 mũ cối màu xanh; 01 đôi dép màu đen; 01 đôi găng tay len màu trắng; mẫu cọc bê tông bị gãy, vỡ làm hai đoạn, gập hình chữ V; 01 phong bì ký hiệu mã 0447778 bên trong có 01 ống nhựa nắp màu xanh (bên trong có chứa chất màu nâu đỏ) và 01 túi nilon bên trong có 01 miếng khăn có thấm chất nâu đỏ ký hiệu V98Q_24;

+ Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn Q 01 máy nguồn của tháp ép thủy lực, 01 xe cầu toa, 11 chiếc chân neo cố định khung ép thủy lực.

[7] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn Q, Vũ Đức A bị kết án nên phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 295; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự; Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Q và bị cáo Vũ Đức A phạm tội “Vi phạm quy định về an toàn lao động”

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 25-3-2025.

Bị cáo Nguyễn Văn Q không bị tạm giữ, tạm giam.

Giao bị cáo Nguyễn Văn Q cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện V, tỉnh Nam Định giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Nguyễn Văn Q cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo Nguyễn Văn Q phải chấp hành hình phạt 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù đã cho hưởng án treo.

+ Xử phạt bị cáo Vũ Đức A 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 (ba) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 25-3-2025.

Bị cáo Vũ Đức A không bị tạm giữ, tạm giam.

Giao bị cáo Vũ Đức A cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Bình giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Vũ Đức A cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo Vũ Đức A phải chấp hành hình phạt 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù đã cho hưởng án treo.

2. Xử lý vật chứng, tài sản, đồ vật: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 mũ cối màu xanh; 01 đôi dép màu đen; 01 đôi găng tay len màu trắng; mẫu cọc bê tông bị gãy, vỡ làm hai đoạn, gập hình chữ V; 01 phong bì ký hiệu mã 0447778 bên trong có 01 ống nhựa nắp màu xanh (bên trong có chứa chất màu nâu đỏ) và 01 túi nilon bên trong có 01 miếng khăn có thấm chất nâu đỏ ký hiệu V98Q_24;

+ Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn Q 01 máy nguồn của tháp ép thủy lực, 01 xe cầu toa, 11 chiếc chân neo cố định khung ép thủy lực.

(Tất cả vật chứng, tài sản, đồ vật có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 89/YCN/25 ngày 23-01-2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N, tỉnh Nam Định).

3. Án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Bị cáo Nguyễn Văn Q, Vũ Đức A, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo Nguyễn Văn Q, bị cáo Vũ Đức A có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người đại diện hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì bị cáo Nguyễn Văn Q, bị cáo Vũ Đức A có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án về vấn đề dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người đại diện hợp pháp của bị hại;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND TP. Nam Định (02 bản);
- Công an TP. Nam Định;
- Chi cục THADS TP. Nam Định;
- UBND xã Đ, huyện V; tỉnh Nam Định;
- UBND xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Bình;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Lương Việt Bằng